TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNST
Ngày: 28/5/2019
Vụ án: *"Yêu cầu ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Quốc.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Vũ**

2. Bà **Trần Thị Hồng Phi**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Mỹ Trinh** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 28/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST–HNST ngày 18/02/2018 về tranh chấp *"Yêu cầu ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/QĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Trần Phương T** sinh năm 1983
Địa chỉ: 149A/4 khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
*** Bị đơn**: Ông **Lâm Vũ P** sinh năm 1979
Địa chỉ: 149A/4 khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của nguyên đơn:*

Bà Trần Phương T và ông Lâm Vũ P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, quận N, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng dẫn đến bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Hiện tại, bà T và ông P không còn sống chung với nhau. Nay nhận thấy tình cảm đã thật sự không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: có 02 con chung là Lâm Gia Q (nữ) sinh năm 2007 và Lâm Gia M (nữ) sinh năm 2008. Bà T thống nhất giao cho ông P nuôi dưỡng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vắng mặt ông P nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết để xét xử vắng mặt ông P theo quy định của pháp luật, Tòa án đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P, về con chung có 02 con chung là Lâm Gia Q (nữ) sinh năm 2007 và Lâm Gia M (nữ) sinh năm 2008. Bà T thống nhất giao cho ông P nuôi dưỡng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung không có. Bà T đồng ý xét xử vắng mặt ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà T và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, khi có yêu cầu ly hôn sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về phần thủ tục*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mời các đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, ông P vắng mặt nên Tòa án tiến hành các thủ tục cần thiết để xét xử vắng mặt ông P theo quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông P. Ông P được triệu tập nhiều lần nhưng ông cũng không có mặt chứng tỏ ông cũng không thiết tha gì đối với hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: có 02 con chung là Lâm Gia Q (nữ) sinh năm 2007 và Lâm Gia M (nữ) sinh năm 2008. Bà T thống nhất giao cho ông P nuôi dưỡng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: do xét xử vắng mặt ông P nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Phương T. Bà Trần Phương T được ly hôn với ông Lâm Vũ P.

- Về con chung: giao 02 con chung là Lâm Gia Q (nữ) sinh năm 2007 và Lâm Gia M (nữ) sinh năm 2008 cho ông P nuôi dưỡng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Giành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho bà T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn Trần Phương T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000610 ngày 26 tháng 11 năm 2018 thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ,
- VKSND Q. Ninh Kiều,
- THADS Q. Ninh Kiều,
- UBND phường An Bình, quận N,
- Các đương sự,
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Anh Quốc